

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-11-2020

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Đê

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Thạch Thị Ngọc Mai

Bà Sơn Thị Học

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Minh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 73/TB-TA ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự;

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***- Bị đơn:*** Anh Chan Kah W, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Malaysia.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 8 năm 2019, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày: Chị và anh Chan Kah W kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng văn hóa, quan niệm sống và anh Chan Kah W trở về đất nước Malaysia. Hiện nay, vợ chồng không còn liên lạc với nhau nên chị cảm thấy vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chan Kah W.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ về cung cấp lời khai, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Xét thấy chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Chan Kah W kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện nay, mỗi người sinh sống ở một đất nước khác nhau và không còn liên lạc với nhau. Do đó, chị L yêu cầu ly hôn với anh Chan Kah W là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L ly hôn với anh Chan Kah W. Về con chung, tài sản chung và nợ chung, chị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (BL 42). Riêng bị đơn anh Chan Kah W là người có quốc tịch Malaysia; sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã lập thủ tục, hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự theo đường ngoại giao để tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Chan Kah W theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hồ sơ ủy thác tư pháp được Bộ Tư pháp Việt Nam gửi đến Bộ Ngoại giao ngày 28/10/2019 (BL 40), nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 30/6/2020, Tòa án không nhận được văn bản thông báo kết quả tổng đạt cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của anh Chan Kah W. Ngay sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án có Công văn gửi Bộ Tư pháp đề nghị thông báo về việc thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Chan Kah W, nhưng đến nay đã hết thời hạn 03 tháng mà không nhận được văn bản trả lời. Do đó, căn cứ vào Điều 238 và điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh Chan Kah W.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh Chan Kah W kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam. Theo chị L khai, sau một thời gian sống chung thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng văn hóa, nếp sống, sinh hoạt và anh Chan Kah W xuất cảnh trở về đất nước Malaysia. Từ lời khai của chị L, cho thấy giữa chị L và anh Chan Kah W đã không thực hiện được tình nghĩa vợ chồng về thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị L yêu cầu ly hôn với anh Chan Kah W là có căn cứ.

[3] Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L ly hôn với anh Chan Kah W; không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung, là có căn cứ.

[7] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, buộc chị Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Nguyễn Thị Cẩm L đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004940 ngày 03-9-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

[8] Về chi phí ủy thác tư pháp: Theo khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, buộc chị Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật bằng 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp chị Nguyễn Thị Cẩm L đã nộp bằng 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004945 ngày 16-9-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Đối với số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp chị Nguyễn Thị Cẩm L đã nộp bằng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai số 0004944 ngày 16-9-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh. Do không phát sinh chi phí thực tế nên hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm L.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm c khoản 5 Điều 477 và khoản 3 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Cẩm L ly hôn với anh Chan Kah W.
2. Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.
5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Nguyễn Thị Cẩm L đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004940 ngày 03-9-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

6. Về chi phí ủy thác tư pháp: Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp bằng 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp chị Nguyễn Thị Cẩm L đã nộp bằng 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004945 ngày 16-9-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Hoàn trả tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp cho chị Nguyễn Thị Cẩm L bằng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai số 0004944 ngày 16-9-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án, để đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Đê**